

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 08/11/2017

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lò Thị Chiến

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông: Nguyễn Xuân Định

Ông: Tống Văn Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Lò Phạ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- **Đại kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trọng Bính - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 đến ngày 09 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017, về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2017 và Thông báo về việc mở phiên tòa số: 03/2018/ TB-TA ngày 30/10/2017

Giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Lê Chính N - Sinh năm 1955

Nơi cư trú: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Hữu trí. Có mặt.

-**Bị đơn:** Trần Thị H - Sinh năm 1960

Nơi cư trú: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Hữu trí, có mặt.

-**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1- Đại diện chi nhánh Ngân hàng chính sách huyện M

Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt.

2- Bà Cao Thị C

Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

3- Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt.

4- Ông Trần Kim T

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.
Vắng mặt

5- Bà Nguyễn Thị Thanh H

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

6- Bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

7- Ông Nguyễn Mạnh S

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

8- Ông Nguyễn Văn H

Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Nghề nghiệp: Buôn bán - Có mặt

9- Ông Trần Văn T

Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

10- Ông Vũ Tiến L

Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

11- Bà Vũ Thị D

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

12- Bà Vũ Thị G

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

13- Bà Trần Thị H

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

14- Bà Vương Thị T

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

15- Ông Lữ Văn N

Địa chỉ: Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

16- Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Vắng mặt

17- Bà Phạm Thị Ng

Địa chỉ: Km 69, xã C, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

18- Bà Nguyễn Thị P

Địa chỉ: Khu phố 7 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

19- Bà Trần Thị T

Địa chỉ: Khu phố 1 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

20- Ông Phạm Văn T

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

21- Bà Trần Thị Q

Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

22- Ông Q

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt.

23- Ông Bùi Văn T

Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

24- Lò Thị L - huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt

25- Đại diện Bưu điện huyện M

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

26- Ông Vàng Văn B

Địa chỉ: xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

27- Ông Đào Văn H - Đào Thị T

Địa chỉ: Xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

28- Ông Lò Văn N

Địa chỉ: xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

29- Ông Tống Văn H

Địa chỉ: xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Vắng mặt

30- Ông Trần Văn H

Địa chỉ: Đông a - Hà N,(Doanh nghiệp Bình M) Vắng mặt

31- Bà Đoàn Thị B

Địa chỉ: xã G, huyện G, tỉnh N, Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15 tháng 6 năm 2017 của anh Lê Chính N, các lời khai, biên bản hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lê Chính N trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị H từ ngày 22/2/1984 làm thủ tục tổ chức kết hôn theo nghi thức ở cơ quan, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị xã L, tỉnh Lai Châu cũ, nay là (Thành phố L, tỉnh Lai Châu), trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, từ khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Đến tháng 2 năm 2016 đã xảy ra mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân tác động đến một phần do vợ chồng anh chị không hiểu nhau, thống nhất với nhau từ sau lần tổ chức đám cưới cho con, vợ anh nói không về quê để báo hỷ cho con nữa, nhưng sau đó vợ anh lại về quê cùng ông Phìn Văn T (ở cùng khu phố 7), anh Lê Chính N thấy hành động của vợ như vậy là không tôn trọng anh do vậy vợ chồng anh đã xảy ra bất đồng quan điểm, vợ anh còn viết thư cho gia đình và họ hàng nói anh không làm được gì. Mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng hạnh phúc không đạt được như ý muốn, vợ chồng ít đái hoài, quan tâm với nhau hơn, không còn tình cảm với nhau nữa và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nên anh N xin được xem xét giải quyết ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân anh N xin được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Có 03 con chung, cháu lớn là Lê Thị H sinh năm 1984, Nghề nghiệp: Giáo viên; cháu thứ 2 là Lê Văn T, sinh năm 1986, Nghề nghiệp: Giáo viên và cháu thứ 3 là Lê Văn H, sinh năm 1988 nghề nghiệp tự do, các cháu đều cư trú tại Khu phố 7 thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai châu. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đều có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Có 01 ngôi nhà xây 02 tầng đang sử dụng cùng giáp với 01 mảnh đất chiều rộng 9,5 mét, chiều dài 11 mét đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 433637 cấp ngày 08/12/2006 tại khu phố 7 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Sau khi ly hôn anh Nghĩa nhất trí để lại cho vợ là Trần Thị H, anh N không có tranh chấp, khiếu kiện gì.

Về công nợ:

- Ngân hàng chính sách huyện M và bà Trần Thị H xác nhận còn nợ là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) gốc, anh Lê Chính N nhất trí trả nợ với số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho Ngân hàng chính sách huyện M. Còn 20.000.000 đồng chị Trần Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách.

- Số tiền nợ ngoài chị Trần Thị H kê nợ là 425.402.000 đồng, giấy kê nợ của chị Trần Thị H tự đi lấy hóa đơn, giấy ghi nợ, anh N không biết, chị H xuất trình giấy ghi nợ đó sau khi tiếp cận chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa. Theo yêu cầu của chị Trần Thị H, anh Lê Chính N phải có trách nhiệm trả nợ cùng số khoản nợ 425.402.000 đồng thì anh N không có khả năng trả nợ, vì hiện nay anh N chỉ có lương hưu để sinh sống, ngoài ra không có gì để trả nợ, vì toàn bộ tài sản đã để lại cho chị Trần Thị H hết, nên chị H phải có trách nhiệm thanh toán cho các chủ nợ.

** Các lời khai của bị đơn, trong quá trình giải quyết cũng như lời khai tại phiên tòa chị Trần Thị H trình bày quan điểm:*

Vợ chồng chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Thị xã L cũ, nay là Thành phố L từ ngày 22/2/1984, thời gian đầu hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng vẫn bàn bạc làm mọi việc, nuôi con ăn học toàn nhờ vào tiền lương của chị. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra vào tháng 6/ 2016 sau đám cưới cho con gái xong anh Nghĩa tự ý về quê làm báo hỷ cho con gái, không bàn bạc thống nhất nhau, hiểu lầm nhau, không tôn trọng anh, kính anh, rồi từ đó có dính vào chuyện đi ngoại tình. Về mặt tình cảm chị vẫn còn quan tâm, chăm lo cho anh nên chưa muốn ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung, cháu lớn là Lê Thị H sinh năm 1984, Nghề nghiệp: Giáo viên; cháu thứ 2 là Lê Văn T, sinh năm 1986, Nghề nghiệp: Giáo viên và cháu thứ 3 là Lê Văn H, sinh năm 1988 nghề nghiệp tự do, các cháu đều cư trú tại Khu phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai châu. Hiện nay các cháu đã trưởng thành đều có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng có 01 mảnh đất chiều rộng 9,5m mặt đường, chiều dài là 11m; 01 ngôi nhà cũ được dựng trên mảnh đất đó đã hỏng không sử dụng được.

Về công nợ: Theo giấy ghi nợ của gia đình và lời khai của chị Trần Thị H, thì chị H và anh N còn nợ tiền với các chủ nợ tổng số tiền là: là 425.402.000 đồng. Vay nợ tiền mặt, mua hàng tạp hóa, thực phẩm và thuê san ủi đất làm nhà, vận chuyển đất làm nền nhà.

Chị Trần Thị H xác nhận, gia đình chị hiện nay còn nợ tiền lại với các chủ nợ cụ thể là:

- Vay tiền mặt từ năm 2016 với Ngân hàng chính sách huyện M, Địa chỉ Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn), đã trả gốc 10.000.000 đồng và tiền lãi, hiện còn nợ 40.000.000 đồng. Ngân hàng chính sách huyện M xác nhận chị Hoa còn nợ với số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

- Nợ tiền hàng hóa còn lại của bà Cao Thị C, ở Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 950.000 đồng. Bà C khai bà H còn nợ lại là 1.500.000 đồng.

- Nợ chớ đất và vật liệu của bà Nguyễn Thị N, địa chỉ: Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu, với số tiền là 15.000.000 đồng

- Nợ tiền san ủi đất và vận chuyển của ông Trần Kim T, địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Với số tiền là 12.500.000 đồng

- Nợ tiền kệ ti vi 2.700.000 đ và bàn ăn 300.000 đ tổng cộng là 3.000.000 đ của bà Nguyễn Thị Thanh H, địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

- Nợ tiền hàng hóa của bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu

Với số tiền là 2.000.000 đồng

- Nợ tiền vận chuyển đất san nền nhà của ông Nguyễn Mạnh S.
Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Với số tiền là 4.600.000 đồng.
- Nợ tiền mua thịt lợn từ năm 2007 đến 2011 của gia đình ông Nguyễn Văn H
Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Với số tiền là 7.824.000 đồng.
- Nợ tiền vận chuyển trở đất của ông Trần Văn T
Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu
Với số tiền là 2.000.000 đồng.
- Nợ tiền mua thịt lợn và hàng tạp hóa của gia đình ông Vũ Văn L
Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 4.785.000 đồng.
- Nợ Bà Vũ Thị D
Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 900.000 đồng tiền thịt lợn
- Nợ Bà Vũ Thị G
Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 800.000 đồng tiền giò chả.
- Nợ Bà Trần Thị H
Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 1.900.000 đồng tiền 01 cái đệm.
- Nợ Bà Vương Thị T
Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 1.723.000 đồng tiền mua hàng tạp hóa
- Nợ Ông Lữ Văn N
Địa chỉ: Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 1.120.000 đồng. Tiền mua gạch.
- Nợ Bà Nguyễn Thị T
Địa chỉ: Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 2.000.000 đồng. Tiền san đất nền nhà.
- Nợ Bà Phạm Thị N
Địa chỉ: Km 69, xã C, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 7.000.000 đồng.
Tiền vay nợ,
- Nợ Bà Trần Thị T
Địa chỉ: Khu phố 1 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 2.000. 000 đồng tiền lãi. Chị T xác nhận đã trả đủ không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ Ông Phạm Văn T
Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 400.000 đồng, tiền đóng giường đôi.
- Nợ Bà Trần Thị Q
Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 4.000.000 đồng, chờ đất nền nhà.
- Nợ vay tiền của Bru điện huyện M

Địa chỉ: Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 40.000.000 đồng. Để trả tiền NHCS 30 triệu và trả gốc 10 triệu của bà T. Bureau huyện M xác nhận chị Hoa đã thanh toán đủ trong tháng 7/ 2017.

- Nợ tiền lãi Lê Thị H vay hộ tiền cho bố Lê Chính N và mẹ Trần Thị H tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện M. Với số tiền là 178.000.000 đồng (Tiền lãi) nay đã trả hết. Chị H không yêu cầu anh N và chị H trả. Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Còn nợ những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do xuất trình yêu cầu của chị Hoa không rõ địa chỉ nơi cư trú:

- Ông Q

Địa chỉ: Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 400.000 đồng, tiền đóng bàn thờ.

- Nợ Ông Bùi Văn T

Địa chỉ: Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Với số tiền là 4.000.000 đồng. Tiền cánh cửa còn thiếu. Nay ông Thảo đã chuyển về quê không rõ địa chỉ.

- Nợ Bà Lò Thị L vợ của Lê Văn T- Khu phố 7 thị trấn M, tỉnh Lai Châu. Với số tiền là 30.000.000 đồng. Tiền gửi bà H.

- Nợ Ông Vàng Văn B

Địa chỉ: xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu. Với số tiền là 4.000.000 đồng.

-Nợ Ông Đào Văn H, Đào Thị T, Địa chỉ: xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu Với số tiền là 4.000.000 đồng.

- Nợ Ông Lò Văn N Với số tiền là 1.000.000 đồng. Địa chỉ: xã B, huyện M, tỉnh Lai Châu

-Nợ Ông Tống Văn H. Với số tiền là 2.500.000 đồng

Địa chỉ: xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu

- Nợ Ông Trần Văn H

Địa chỉ: Đông a - Hà N(DN Bình M). Với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Nợ Bà Đoàn Thị B

Địa chỉ: xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Với số tiền là 15.000.000 đồng.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Ngân hàng chính sách huyện M, bà Cao Thị C, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Kim T, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Văn T, ông Vũ Tiến L, bà Vũ Thị D, bà Vũ Thị G, bà Trần Thị H, bà Vương Thị T, ông Lữ Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị T, ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Q, bà Nguyễn Thị P, Bureau huyện M đều vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tại các lời khai các đương sự thừa nhận số tiền còn nợ lại của anh N và chị H đúng với tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định pháp luật, không có yêu cầu độc lập, số nợ này thực tế đã nợ lâu,*

đòi không có điều kiện trả nợ. Nay vợ chồng anh N và chị H ly hôn mong tòa xem xét hoà hòa.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rõ địa chỉ mà bị đơn chị H xuất trình sau khi tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, khi mở phiên tòa xét xử: Ông Q, Ông Bùi Văn T, bà Lò Thị L, ông Vàng Văn B, ông Đào Văn H và Đào Thị T, ông Lò Văn N, ông Tống Văn H, ông Trần Văn H, bà Đoàn Thị B, bị đơn chưa cung cấp đầy đủ địa chỉ rõ ràng. Căn cứ điều 6 Bộ luật tố tụng Dân sự, về cung cấp chứng cứ và chứng minh và khoản 6 điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự, về trường hợp yêu cầu của bị đơn, yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận để giải quyết cùng vụ án thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác. Do vậy yêu cầu của chị Hoa không bổ sung đầy đủ được do vậy HĐXX xét thấy cần giải quyết bằng một vụ án khác khi có đầy đủ mặt của đương sự hoặc ý kiến của đương sự bằng văn bản liên quan trong vụ án có địa chỉ rõ ràng là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với Lê Thị H, địa chỉ khu phố 7 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (Là con gái của anh N và chị H) có vay tiền giúp bố mẹ tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn huyện M, trong quá trình làm việc trực tiếp Lê Thị H xin được rút đề nghị với yêu cầu công nợ của mẹ đưa ra số tiền 178.000.000 đồng (Tiền lãi). Tại phiên tòa anh N và chị H nhất trí với đề nghị của Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa ngày 8/11/2017 anh Nguyễn Văn H khai gia đình tôi và gia đình chị H đều sống cùng khu phố với nhau, gia đình chị H đến mua thịt lợn nhà tôi từ năm 2007 đến năm 2011, hiện tại còn nợ là 7.824.000 đồng, đề nghị HĐXX xem xét cho gia đình tôi.

Tại biên bản thỏa thuận giữa anh N và chị H lập ngày 01/9/2017, anh chị tự thỏa thuận về công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng tại phiên tòa ngày 25/9/2017 anh Lê Chính N khai một số nợ do bà Trần Thị H đi lấy và tự ký vào giấy vay nợ các chủ, nên anh không nhất trí. Đề nghị HĐXX làm rõ số nợ chung của vợ chồng. Quá trình làm việc với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (các chủ nợ) trên họ đều thừa nhận số nợ trên của anh N và chị H là đúng sự thật và đề nghị xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Phát biểu của kiểm sát viên:

Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn anh Lê Chính N và bị đơn chị Trần Thị H từ khi thụ lý tiến hành các bước về thủ tục tố tụng Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ áp dụng Điều 27, 30, 51, 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 28, 35, khoản 1, khoản 4 điều 91, điều 96, 147, 227, 228, 271, 273 BLTTDS; điều 39, điều 466 BLDS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Chính N: Về quan hệ hôn nhân xử cho anh Lê Chính N được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về tài sản chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Chính N giao toàn bộ tài sản cho chị Trần Thị H, không có tranh chấp gì, khiếu kiện gì.

Về công nợ: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị H về việc đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết trong cùng vụ án này, vụ án sẽ được giải quyết nhanh hơn, đối với trách nhiệm liên đới của vợ chồng với giao dịch do một bên thực hiện theo điều 27, điều 30 LHNGĐ. Chị Trần Thị H phải trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền còn nợ chưa thanh toán đủ: Bà Cao Thị C, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Kim T, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Văn T, ông Vũ Tiến L, bà Vũ Thị D, bà Vũ Thị G, bà Trần Thị H, bà Vương Thị T, ông Lữ Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị T, ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Q, bà Nguyễn Thị P.

Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh N và chị H, anh Lê Chính N trả cho Ngân hàng chính sách huyện M 20.000.000 đồng, chị Trần Thị H trả cho Ngân hàng chính sách huyện M 20.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị Hoa đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không rõ địa chỉ sau khi đã yêu cầu bổ sung tài liệu chứng cứ bị đơn vẫn không xuất trình được. Về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng chính sách huyện M, bà Cao Thị C, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Kim T, bà Nguyễn Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Văn T, ông Vũ Tiến L, bà Vũ Thị D, bà Vũ Thị G, bà Trần Thị H, bà Vương Thị T, ông Lữ Văn N, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị N, bà Trần Thị T, ông Phạm Văn T, bà Trần Thị Q, bà Nguyễn Thị P, Bưu điện huyện M đều vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, ý kiến về sự vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa theo đúng quy định pháp luật đến lần thứ hai không có lý do. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng năm 2015. HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Anh Lê Chính N và chị Trần Thị H quan hệ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm, mỗi người một ý không đồng nhất, dẫn đến cuộc sống gia đình mâu thuẫn tình cảm vợ chồng, ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc không đạt được, việc yêu cầu xin ly hôn của anh N là có cơ sở nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của anh N.

Chị H mong muốn được đoàn tụ gia đình, vì vẫn còn tình cảm với chồng. Nên chị H không muốn ly hôn do tuổi đã cao, vợ chồng cần nương tựa vào nhau, để cùng lo chung cuộc sống, và con cháu. Nhưng anh N không thể quay về đoàn tụ gia đình mong được ly hôn. Tại phiên tòa anh N và chị H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của anh Nghĩa, xử cho anh N được ly hôn với chị H.

[3] Con chung: Anh N và chị H có 03 con chung, hiện nay các cháu đã trưởng thành đều có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Lê Chính N và chị Trần Thị H đều nhất trí việc anh N giao toàn bộ tài sản chung cho chị H, 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 mảnh đất chiều rộng 9,5 mét, chiều dài 11 mét đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số AD 433637 cấp ngày 08/12/2006 tại khu phố 7 Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu, chị Trần thị H có trách nhiệm trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[5] Xét yêu cầu trả nợ: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Trần Thị H. Tại phiên tòa chị H đã thừa nhận việc còn nợ tiền với các chủ nợ và đúng như các bản tự khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Chị H được anh N giao toàn bộ tài sản do đó chị H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ cho các chủ nợ. Hội đồng xét xử áp dụng điều 27; khoản 1 điều 30 Luật hôn nhân gia đình, trách nhiệm liên đới, quyền nghĩa vụ của vợ chồng về thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị H phải trả cho các chủ nợ: Bà Cao Thị C, ở Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 950.000 đồng; bà Nguyễn Thị N, địa chỉ Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu, với số tiền là 15.000.000 đồng; trả tiền san ủi đất, vận chuyển của ông Trần Kim T, địa chỉ Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 12.500.000 đồng; Trả tiền kê ti vi, bàn ăn 3.000.000 đ của bà Nguyễn Thị Thanh H, địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu; trả tiền hàng hóa của bà Nguyễn Thị H, địa chỉ Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 2.000.000 đồng; trả tiền vận chuyển đất san nền nhà của ông Nguyễn Mạnh S địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 4.600.000 đồng. Trả tiền mua thịt lợn từ năm 2007 đến 2011 của gia đình ông Nguyễn Văn H địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 7.824.000 đồng ; trả tiền vận chuyển trở đất của ông Trần Văn T địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là

2.000.000 đồng; trả tiền mua thịt lợn và hàng tạp hóa của gia đình ông Vũ Văn L địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 4.785.000 đồng; Trả cho bà Vũ Thị D địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 900.000 đồng tiền thịt lợn; trả Bà Vũ Thị G địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 800.000 đồng tiền giò chả; trả cho Bà Trần Thị H địa chỉ Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 1.900.000 đồng tiền 01 cái đệm. Trả cho bà Vương Thị T địa chỉ Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 1.723.000 đồng tiền mua hàng tạp hóa; trả cho ông Lữ Văn N địa chỉ Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 1.120.000 đồng. Tiền mua gạch; trả cho bà Nguyễn Thị T địa chỉ Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 2.000.000 đồng. Tiền san đất nền nhà; trả cho bà Phạm Thị N. Địa chỉ: Km 69, xã C, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 7.000.000 đồng. Tiền vay nợ; trả cho ông Phạm Văn T địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 400.000 đồng, tiền đóng giường đôi; trả cho bà Trần Thị Q địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu với số tiền là 4.000.000 đồng, chõr đất nền nhà.

- Về nợ Ngân hàng chính sách huyện M, anh N và chị H thỏa thuận với nhau tại phiên tòa mỗi người chịu một nửa.

- Về nợ tiền Bưu điện huyện M chị H đã trả đủ 40.000.000 đồng tiền gốc, Bưu điện không yêu cầu giải quyết. Nợ tiền lãi 2.000.000 đồng của bà Trần Thị T, bà T nhận đủ tiền không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Lê Chính N phải chịu án phí HNGĐ- ST theo quy định pháp luật. Chị Trần Thị H phải chịu án phí về yêu cầu công nợ được Tòa án chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 27, khoản 1 điều 30, điều 51, điều 56, điều 69 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 26, điều 28, điều 35, khoản 1, khoản 4 điều 91, điều 96, khoản 3 điều 144, điều 147, điều 227, điều 228, điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39, điều 466 Bộ luật dân sự;

- Điểm c khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê Chính N Anh Lê Chính N được ly hôn với chị Trần Thị H.

2] Về con chung: Có 03 con chung hiện nay các cháu đã trưởng thành đều có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Chính N. Giao toàn bộ tài sản cho chị Trần Thị H: 01 ngôi nhà xây 02 tầng và 01 mảnh đất chiều rộng 9,5 mét, chiều dài 11 mét đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số AD 433637 cấp ngày 08/12/2006 tại khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu, chị Hoa tiếp tục sử dụng, quản lý.

Về công nợ: Buộc chị Trần Thị H trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Trả cho bà Cao Thị C, địa chỉ Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị N, địa chỉ Khu phố 3, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu, số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Trả cho ông Trần Kim T, địa chỉ Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 12.500.000 đồng (Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng)

- Trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị T, địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Trả cho bà Nguyễn Thị H, địa chỉ Khu phố 4, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Trả cho ông Nguyễn Mạnh S địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

- Trả cho gia đình ông Nguyễn Văn H địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 7.824.000 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

- Trả cho ông Trần Văn T địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Trả cho ông Vũ Văn L, địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 4.785.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

- Trả cho bà Vũ Thị D, địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 900.000 đồng (Chín trăm ngàn đồng).

- Trả cho bà Vũ Thị G, địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng).

- Trả cho Bà Trần Thị H, địa chỉ Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm ngàn đồng).

- Trả cho bà Vương Thị T, địa chỉ Khu phố 8, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 1.723.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn đồng).

- Trả cho ông Lữ Văn N, địa chỉ Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 1.120.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

- Trả cho bà Nguyễn Thị T, địa chỉ Khu phố 10, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- Trả cho bà Phạm Thị N, địa chỉ Km 69, xã C, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).
- Trả cho ông Phạm Văn T địa chỉ Khu phố 6, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng).
- Trả cho bà Trần Thị Q địa chỉ Khu phố 7, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh N và chị H: Anh Lê Chính N trả cho Ngân hàng chính sách huyện M số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc. Chị Trần Thị H trả cho Ngân hàng chính sách huyện M là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc.

[4] Về án phí:

- Anh Lê Chính N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền anh N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2010/0000415 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Tè. Anh N phải chịu án phí giá ngạch về công nợ Ngân hàng chính sách 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

- Chị Trần Thị H phải chịu án phí có giá ngạch về công nợ Ngân hàng chính sách 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) và án phí giá ngạch về công nợ các chủ nợ 3.116.200 đồng (Ba triệu một trăm mười sáu ngàn hai trăm đồng), án phí về công nợ của các chủ nợ không có giá ngạch 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm ngàn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/11/2017. Báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- Tòa án tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện M
- Thi hành án dân sự huyện M
- UBND Thành phố L
- Các đương sự; Người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Thị Chiến

